Hội thảo khoa học "Đại thi hào Nguyễn Du với Thái Bình"

Tỉnh Thái Bình nói chung và huyện Quỳnh Phụ nói riêng vinh dự và tự hào là quê vợ và là mảnh đất "thập tải phong trần" (10 năm gió bụi) mà đại thi hào Nguyễn Du đã sống, đã viết. Người dân Quỳnh Phụ hằng vẫn tự hào là đã góp phần ảnh hưởng để Nguyễn Du trở thành một danh nhân văn hóa lớn của Việt Nam đã được cả thế giới tôn vinh, tưởng niệm. Để làm sáng tỏ hơn về ý nghĩa của sự kiện 10 năm Nguyễn Du nương náu ở Hải An mà có những áng văn chương bất hủ cho đời, UBND huyện Quỳnh Phụ phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức hội thảo khoa học "Đại thi hào Nguyễn Du với Thái Bình".

Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820), tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên. Ông quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh nhưng sinh tại kinh thành Thăng Long trong một gia đình đại quý tộc, có truyền thống khoa bảng. Cuộc đời ông trải qua nhiều dâu bể, nổi chìm. Cha mẹ mất sớm, lớn lên lại gặp buổi xã hội loạn ly, phân tranh. Nguyễn Du kết duyên với bà Đoàn Thị Tộ, con gái thứ sáu của Hoàng giáp Đoàn Nguyễn Thục ở làng Hới (nay là thôn Hải An), xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ. Nguyễn Du đã có 10 năm ẩn dật nơi quê vợ - khoảng thời gian mà ông gọi là "thập tải phong trần". Trong khoảng thời gian đó, ông được sự nuôi nấng, đùm bọc không chỉ của dòng họ Đoàn Nguyễn mà còn của nhiều bà con nông dân, phú hào nơi miền quê nghĩa tình này. Chính nơi đây đã góp phần hun đúc, nuôi dưỡng tâm hồn văn chương của ông.

Với các đề tài tham luận vừa có tính lịch sử vừa mang tính lý luận khoa học xác đáng, cuộc hội thảo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng góp phần khẳng định vị trí, tầm ảnh hưởng của đại thi hào Nguyễn Du trên thế giới, với văn hóa dân tộc Việt Nam và với Thái Bình; là những căn cứ để làm rõ hơn "mười năm gió bụi" của Nguyễn Du ở quê lúa Thái Bình. Trên cơ sở các tư liệu, căn cứ khoa học đó để đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng khu lưu niệm đại thi hào Nguyễn Du trên quê hương Quỳnh Nguyên (Quỳnh Phụ) nhằm bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị di sản văn hóa Nguyễn Du trong sự nghiệp giáo dục và phát triển văn hóa của tỉnh Thái Bình nói chung, huyện Quỳnh Phụ nói riêng.

Hy vọng, tại hội thảo, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu sẽ làm sáng tỏ thêm và khẳng định được vai trò, công lao đóng góp của đại thi hào Nguyễn Du đối với dân tộc và với quê hương Thái Bình trong lịch sử đồng thời cũng làm rõ hơn vị thế của vùng đất Quỳnh Nguyên (Quỳnh Phụ) với con người và sự nghiệp của đại thi hào Nguyễn Du.

NGUYỄN QUANG CƠ
(Chủ tịch UBND huyện Quỳnh Phụ)

Đất lành chim đậu

Dâng hương tưởng niệm tại nhà thờ cụ Đoàn Nguyễn Thục, thôn Hải An, xã Quỳnh Nguyên (Quỳnh Phụ). *Ảnh:* **TRỊNH CƯỜNG**

Xưa và nay, miền quê Thái Bình vốn vẫn được tôn xưng là nơi "đất lành chim đậu". Từ hàng chục thế kỷ trở lại đây, đã có biết bao bậc "tao nhân mặc khách" đã từ những năm tháng tắm mình ở đồng đất Thái Bình mà nên công danh sự nghiệp, mà có trước tác để đời. Hai đại thi hào của dân tộc là Nguyễn Trãi và Nguyễn Du đều là giai tế của Thái Bình. Nguyễn Công Trứ cũng vốn sinh ra từ Quỳnh Côi và hơn 10 năm của thời thơ ấu, ông đã thấm đẫm hơi thở của đồng quê này mà nuôi dưỡng hoài bão "phải có danh gì với núi sông" để rồi trở thành một thi nhân có hạng. Danh sĩ Phạm Thái cũng từ mối hận tình ở làng Thanh Nê (Kiến Xương) mà có truyện thơ nôm "Sơ kính tân trang" để đời...

Khi bàn về Nguyễn Du, Giáo sư Trần Quốc Vượng từng đã chỉ ra rằng: "Muốn tìm hiểu căn cốt tư tưởng, hành trạng và con người cụ Tiên Điền thì trước hết và hơn hết phải là qua thơ chữ Hán chứ không hẳn là, không chỉ là ở Truyện Kiều, mặc dù Truyện Kiều vẫn được coi là một kiệt tác". Thanh Hiên thi tập của Nguyễn Du gồm tiền tập và hậu tập là một tập thơ chữ Hán của Nguyễn Du mà nhiều nhà nghiên cứu đã thống nhất khẳng định là hầu hết các bài trong tiền tập được viết ở Thái Bình. Giáo sư Trần cũng đã dẫn giải rằng: "Muốn cắt nghĩa cho thấu đáo vì sao cụ Tiên Điền lại "ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào" thì ngoài những điều mà xưa nay nhiều người đã biết, đã viết về gia thế, gia cảnh của cụ thì cũng rất cần phải tìm hiểu kỹ càng hơn gia thế của nhà bà vợ cả họ Đoàn ở Thái Bình và bối cảnh lịch sử đầy tao loạn cuối thế kỷ XVIII ở vùng đất ấy, nơi mà cụ đã nương náu trong "mười năm gió bụi". Đó là một mảng tri thức không thể thiếu với những người muốn tô vẽ chân dung, muốn tạc dựng tượng đài Nguyễn Du mà đang còn quá ít người tìm đến". Như thế đủ biết họ Đoàn Nguyễn mà trực tiếp là gia đình của hai cha con Hoàng giáp thi nhân Đoàn Nguyễn Thục (1718 - 1775) và Cử nhân thi nhân Đoàn Nguyễn Tuấn (1750 - ?) và quê hương Hải An, đồng đất Quỳnh Phụ, Thái Bình nói chung đã có ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc đời và sự nghiệp của đại thi hào Nguyễn Du đến nhường nào.

Nguyễn Du, tên chữ là Tố Như, hiệu Thanh Hiên, quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông được sinh ra ở phường Bích Câu, Thăng Long (Hà Nội) trong chiếc nôi một gia đình "thế gia lệnh tộc", đời nối đời "thi lễ truyền gia", có nhiều người "đức cao, vọng trọng" ở thời Lê Trung hưng. Cha là Tiến sĩ, Tể tướng, sử gia, nhà thơ Nguyễn Nghiễm (1708 - 1775), vốn là bạn đồng liêu, bạn văn chương, khoa giáp thân thiết với những thi nhân có đấng bậc quê ở Thái Bình như Lê Quý Đôn (1726 - 1784), Đoàn Nguyễn Thục (1718 - 1775). Mẹ là Trần Thị Tần (1740 - 1778), quê làng Hoa Thiều, nay thuộc xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Mươi năm đầu đời, Nguyễn Du sống trong cảnh phong lưu, nhung lụa. Nhưng éo le, nghiệt ngã thay! Mười tuổi mất cha, mười ba tuổi mất mẹ, Nguyễn Du phải sống dựa vào hai người anh cùng cha khác mẹ là Nguyễn Khản (1734 - 1786) và Nguyễn Điều (1745 - 1786). Chính sự éo le, nghiệt ngã đó lại là cái duyên, cái cớ để đưa một mầm mống thiên tài về với Thái Bình. Hay nói cho "được tiếng" hơn thì đó là cái duyên, cái cớ để vùng đất và con người Thái Bình có cơ hội góp phần hun đúc Nguyễn Du trở thành một thiên tài văn chương kiệt hiệt.

Năm 1780, Nguyễn Du được danh sĩ Đoàn Nguyễn Tuấn là bạn của Nguyễn Khản, anh cả của Nguyễn Du đón về quê ở làng Hải An, tổng Tang Thác, nay thuộc xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ. Năm 1783, sau khi đã đỗ kỳ thi Hương, Nguyễn Du cưới em gái Đoàn Nguyễn Tuấn là Đoàn Thị Huệ (có tài liệu chép là Đoàn Thị Tộ) rồi được tập ấm chức Chánh thủ hiệu quân Hùng hậu của người cha nuôi họ Hà ở Thái Nguyên. Năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Huệ kéo quân ra Thăng Long lần thứ nhất, nêu danh phù Lê diệt Trịnh, Nguyễn Du lánh về quê vợ ở Quỳnh Phụ, Thái Bình. Năm Ất Mão (1795), người vợ họ Đoàn ở Hải An qua đời. Có tài liệu viết là: vì không còn chỗ dựa, năm sau (1796) ông đưa con trai là Nguyễn Tứ, khi ấy mới chưa đầy mười tuổi, về sống ẩn dật ở Hà Tĩnh. Đến năm Nhâm Tuất (1802) Nguyễn Du ra làm quan dưới triều Gia Long, từng giữ các chức Tri huyện Phù Dung, Tri phủ Thường Tín, Cai bạ Quảng Bình và Tham tri bộ Lễ ở kinh đô Phú Xuân. Từ tháng 2/1813 đến tháng 4/1814, làm Chánh sứ trong đoàn sứ đi "tuế cống" nhà Thanh. Ông mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (16/9/1820) ở Phú Xuân (Huế).

Thiêng thay! Hương đồng gió nội của một thời tao loạn ở Thái Bình đã thổi vào hồn cốt chân dung đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 1820), một danh nhân văn hóa Việt Nam kiệt xuất đã được Hội đồng Hòa bình thế giới tổ chức kỷ niệm 200 năm sinh vào năm 1965; được Tổ chức Giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ra nghị quyết tổ chức kỷ niệm 250 năm sinh vào năm 2015.

Nguyễn Du về nương náu ở Thái Bình khoảng 10 năm nhưng cụ thể vào những năm nào và hành trạng của ông trong "mười năm gió bụi" ở Thái Bình ra sao và ông đã viết những tác phẩm nào ở Thái Bình vốn là những vấn đề xưa nay đã tốn khá nhiều giấy mực để luận bàn, tranh luận và dường như rất khó đi đến hồi kết.

Sử sách và gia phả dòng họ Nguyễn Du đều cho biết: vào năm Kỷ Dậu (1789), Tây Sơn kéo quân ra Bắc, vua Chiêu Thống chạy sang đất nhà Thanh, Nguyễn Du cùng hai anh em cùng mẹ là Nguyễn Nễ, Nguyễn Úc chạy theo nhưng không kịp; hai người về quê mẹ ở Kinh Bắc, Nguyễn Du về quê vợ ở xã Hải An, sống nhờ nhà người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn lúc này đã ra cộng tác với triều Tây Sơn và đang giữ chức Thị lang bộ Lại.

Vì sao Nguyễn Du không cùng Nguyễn Nễ và Nguyễn Úc về quê mẹ ở Kinh Bắc mà lại một mình một bóng tìm đường về Hải An để nương nhờ nhà Đoàn Nguyễn Tuấn, một người đang làm quan cho nhà Tây Sơn? Có mấy vấn đề đặt ra:

Một là, vào những thập niên cuối thế kỷ XVIII, vùng đất nay thuộc Thái Bình đang diễn ra khá nhiều sự kiện lịch sử phức tạp. Qua Hoàng Lê nhất thống chí được biết: Đầu năm 1788, kinh thành có biến, Lê Chiêu Thống chạy về Chí Linh (Hải Dương). Tiến sĩ Trương Đăng Quỹ (1733 - ?), người làng Thanh Nê, huyện Chân Định (Kiến Xương) đang giữ chức Đồng bình chương sự đã hiến kế rời bản doanh về Chân Định. Sách Hoàng Lê nhất thống chí chép: "Vua đóng ở huyện Chân Định, dùng nhà Đăng Quỹ làm nơi hành tại. Quỹ đưa con em và người trong họ tới lạy chào, vua đều ban cho quan tước, sai họ chia nhau đi các làng, các huyện chiêu mộ quân nghĩa dũng. Xa gần nô nức hưởng ứng, đến xin hợp quân Cần Vương hẹn ngày cùng đến, thuyền bè kể có hàng nghìn, quân lính có tới vài vạn...".

Dường như, sự nhạy cảm và khả năng hưởng ứng việc nghĩa của người dân Thái Bình đã tạo sức cuốn hút Nguyễn Du tìm về. Nhưng ông không lường được là người Thái Bình phò Lê Chiêu Thống khi ông vua này chưa đi cầu viện nhà Thanh. Khi Lê Chiêu Thống chạy sang đất nhà Thanh, ông chạy theo không kịp thì về quê vợ nhưng khi ấy người Thái Bình đã xướng nghĩa đón Tây Sơn nên ông buồn chán mà "ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào".

Hai là, có một tình tiết đã xảy ra ở nhà Trương Đăng Quỹ, có thể đã liên quan đến Nguyễn Du. Đó là việc Phạm Thái (1777 - 1813), người huyện Đông Ngàn, nay thuộc huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, là con của Trạch Trung hầu Phạm Đạt, một cựu thần nhà Lê từng khởi binh chống Tây Sơn nhưng thất bại. Toan nối chí cha, Phạm Thái đi các nơi kết giao với những người cùng chí hướng, trong đó có Trương Đăng Thụ là con trai Trương Đăng Quỹ đang làm quan dưới triều Tây Sơn ở Lạng Sơn. Khi Phạm Thái đang ở Kinh Bắc thì được tin Trương Đăng Thụ mất đã về Chân Định đưa tang bạn rồi được Đăng Quỹ lưu lại trong nhà. Tại đây, Phạm Thái đã gặp Trương Quỳnh Như, con gái Trương Đăng Quỹ, em gái Trương Đăng Thụ. Hai người cùng xướng họa văn thơ rất tương đắc rồi cảm mến, yêu nhau. Trương Đăng Quỹ muốn gả Quỳnh Như cho Phạm Thái nhưng mẹ nàng không đồng ý vì muốn ép gả cho một con nhà giàu trong huyện. Quỳnh Như thất vọng rồi tự tử. Phạm Thái buồn bã, bỏ nhà Trương Đăng Quỹ đi lang thang uống rượu, làm thơ. Từ mối hận tình giữa ông và nữ sĩ Quỳnh Như, Phạm Thái đã viết truyện thơ nôm "Sơ kính tân trang" một áng thơ nôm đặc sắc. Hiện chưa có đủ cứ liệu để nhận định Nguyễn Du và Phạm Thái có là bạn bè của nhau không và sự kiện Phạm Thái về ở nhà Trương Đăng Quỹ có tác động gì đến Nguyễn Du hay không, chỉ biết là hai người đều có gia thế, gia cảnh và chí hướng giống nhau, đều là bậc thầy của thơ nôm...

Ba là, có một tình tiết lịch sử lý thú mà dường như xưa nay ít người bàn tới đó là sự hiện diện cùng thời với Nguyễn Du ở đất Quỳnh Côi thuở ấy lại có người đồng hương là thân phụ Nguyễn Công Trứ đang làm tri huyện Quỳnh Côi. Tiên Điền và Uy Viễn là hai làng cận kề nhau.

Năm 1778, Nguyễn Công Trứ cất tiếng khóc chào đời ở huyện đường Quỳnh Côi. Ở thời điểm ấy, vùng đất nay thuộc tỉnh Thái Bình đang rạo rực không khí Cần Vương phò Lê Chiêu Thống.

Bấy giờ, Hải An đang là nơi hội tụ danh sĩ từ các nơi về. Sử sách lưu truyền rằng, Đoàn Nguyễn Tuấn đã dựng một cái gác cao giữa vườn gọi là Phong Nguyệt Sào (ổ gió trăng) tụ tập danh sĩ đàm đạo văn chương, thế sự. Chính vào thời điểm ấy, Nguyễn Du đã về nương náu tại Phong Nguyệt Sào để ký thác tâm sự của mình vào những áng thơ văn bất hủ và cũng là để chờ thời. Nguyễn Công Tấn với Nguyễn Du vốn là chỗ quan hệ đồng hương, đồng liêu. Hẳn là trong hoàn cảnh ấy hai ông có nhiều dịp giao du, hội ngộ để cùng bàn việc tìm chí hướng. Vào năm 1786, Nguyễn Công Tấn được thăng chức tri phủ Tiên Hưng thì xướng nghĩa Cần Vương. Chung cục: Đoàn Nguyễn Tuấn tìm vào Phú Xuân phò nhà Tây Sơn, Nguyễn Du thì "ngẩn ngơ trông ngọn cờ đào" rồi về quê ẩn dật còn Nguyễn Công Tấn cũng lui về dạy học ở Hà Tĩnh.

Ba tình tiết nêu trên là để góp phần lý giải cho thỏa đáng hơn về những duyên cớ Nguyễn Du tìm về nương náu ở Hải An. Đương nhiên, bất luận trong trường hợp nào thì Hải An cũng rất xứng đáng được coi là nơi "đất lành chim đậu".

Được biết, tới đây, UBND huyện Quỳnh Phụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Văn phòng Hội Kiều học tại Thái Bình sẽ phối hợp tổ chức hội thảo khoa học mang chủ đề "Đại thi hào Nguyễn Du với Thái Bình". Hẳn là tại hội thảo này nhiều vấn đề mang tính khoa học sẽ được bàn thảo nhiều để hướng tới khẳng định sự cần thiết phải xây dựng một công trình tưởng niệm để tôn vinh dấu ấn Nguyễn Du với Thái Bình - Thái Bình với Nguyễn Du.

Thiết nghĩ, một công trình tưởng niệm Nguyễn Du được xây dựng ở Thái Bình sẽ là một việc làm muộn còn hơn không và nếu xây dựng xứng tầm, xứng là biểu tượng của dấu ấn lịch sử thì nó sẽ là một điểm nhấn để thắp sáng thêm truyền thống rạng rỡ đất văn, oai phong đất võ của một miền quê và cũng chính là để người Thái Bình cùng du khách muôn nơi thêm hiểu, thêm yêu Thái Bình hơn.

NGUYỄN THANH
(Vũ Quý, Kiến Xương)

Họ Đoàn và làng Hải An với Nguyễn Du

Nguyễn Du quê làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An (nay là huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh) nhưng ông sinh ra và lớn lên ở kinh thành Thăng Long (Hà Nội). Nguyễn Du sinh ra trong một gia đình nổi tiếng "trâm oanh thế phiệt", có nhiều người học hành thành đạt, nhiều người quyền cao, chức trọng thời Lê Trung hưng. Cha Nguyễn Du là Nguyễn Nghiễm làm quan đến chức Thái tử Thái Bảo tước Xuân Quận công. Vợ Nguyễn Du họ Đoàn, con gái thứ sáu Đoàn Nguyễn Thục, quê xã Hải An (làng Hới), huyện Quỳnh Côi, làm quan đồng triều với Nguyễn Nghiễm.

Cuộc đời Nguyễn Du từ buổi thiếu thời đã có nhiều mối tình nhưng mối tình thực sự của nhà thơ là cô gái làng Hải An (làng Hới), tổng Tang Giá, huyện Quỳnh Côi (nay thuộc xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ). Đây là mối tình "môn đăng hộ đối" giữa con quan Tả tướng quốc Nguyễn Nghiễm và con quan Phó đô ngự sử Đoàn Nguyễn Thục. Nguyễn Du đã về ở quê vợ 10 năm (1786 - 1796), gia phả họ Nguyễn Tiên Điền ghi: "Ông tên Du, tên chữ Tố Như, hiệu Thanh Hiên, sinh năm Ất Dậu 1765... Năm Kỷ Dậu 1789 vua Lê chạy sang Trung Hoa, Nguyễn Du theo vua hộ giá nhưng không kịp, phải về quê vợ ở nhờ nhà người anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn là con trai ông Hoàng giáp Phó đô ngự sử Quỳnh Châu bá Đoàn Nguyễn Thục". Lại ghi: "Chính thất (Nguyễn Du) họ Đoàn, người xã Hải An, huyện Quỳnh Côi, con gái thứ sáu của Đoàn Nguyễn Thục. Bà sinh được một người con trai tên là Tứ, tên chữ là Hạo Như, giỏi văn học. Năm Quý Dậu 1813 Tứ được theo cha đi Trung Hoa, về nước được vài năm thì bệnh mất. Nguyễn Tứ có một người con gái, lấy chồng là tú tài Ngô Cảnh Trân, người xã Trảo Nha, huyện Thạch Hà (Sd trang 97 - 98).

Xưa nay, khi nghiên cứu về Nguyễn Du, một câu hỏi được đặt ra là ảnh hưởng của cha và anh vợ, của làng Hải An đến việc hình thành nhân cách và tài năng của Nguyễn Du như thế nào?

1- Tài năng và đức độ của cha và anh vợ là tấm gương sáng đã ảnh hưởng đến Nguyễn Du.

Đoàn Nguyễn Thục (1728 - 1775), đỗ Đệ nhị giáp xuất thân (Hoàng giáp) khoa Nhâm Thân (1752), cùng đỗ một khoa với Lê Quý Đôn (Hưng Hà), Nguyễn Xuân Huyên (Vũ Thư), Nghiêm Vũ Đằng (Thái Thụy), làm quan đến chức Phó đô ngự sử (khi mất truy tặng chức Đô ngự sử). Gần 25 năm làm quan trong triều (1752 - 1775) vốn là quan văn nhưng đã hai lần Đoàn Nguyễn Thục được cử làm tướng võ, một lần cử đi sứ. Năm 1769 được cử làm Thống tướng chỉ huy hàng vạn binh lính đi dẹp "loạn" ở châu Mường Thanh. Năm 1771, Đoàn Nguyễn Thục được cử làm Phó sứ sang nhà Thanh đòi đất Tĩnh Gia, châu Lộc Bình. Đi sứ về, ông được thăng Phó đô ngự sử, tước Quỳnh Châu bá. Cảnh Hưng năm thứ 34 (1773) ông lại được phong chức Giám quân, trực tiếp làm Đốc thị Nghệ An vừa lo ổn định tình hình ở Nghệ An sau thiên tai mất mùa, vừa lo binh lương cho quân của tướng Hoàng Ngũ Phúc vượt sông Gianh vào Đàng Trong lấy đất Thuận Hóa. Năm Giáp Ngọ (1774) ông dâng biểu xin về quê, một năm sau thì ông mất. Đoàn Nguyễn Thục còn là một tác gia, có tác phẩm "Phụng sứ tập" (vừa thơ, vừa văn) chép về chuyến đi sứ đấu tranh đòi lại châu Lộc Bình (Lạng Sơn).

Tổng kết hành trạng của ông, sách "Lịch triều hiến chương loại chí" của Phan Huy Chú ghi nhận: "Đoàn Nguyễn Thục là người cương trực, uy phong khảng khái, khi ở trong triều giữ khí tiết" lại ghi: "Ông học vấn rộng rãi, phong thể khí độ chững chạc, dọc ngang văn võ, việc gì cũng làm được. Ông tiến lui có lẽ phải, không khuất tất để cầu cạnh. Tiết tháo cương trực".

- Đoàn Nguyễn Tuấn hiệu Hải Ông, là con trai Hoàng giáp Đoàn Nguyễn Thục (1718 - 1775), con rể Quốc lão Nhữ Đình Toản (1703 - 1774) triều Lê. Cha đẻ và bố vợ ông đều là những người nổi tiếng, được sử sách ghi nhận. Đoàn Nguyễn Tuấn thi đỗ Cử nhân đời vua Lê Hiển Tông (1740 - 1786) nhưng không ra làm quan với triều Lê. Năm 1788, ông cùng một số nho sĩ vào Phú Xuân yết kiến Nguyễn Huệ, được Nguyễn Huệ tin dùng. Dưới triều Tây Sơn Đoàn Nguyễn Tuấn có nhiều công trạng, thăng tiến từ chức Trực học sĩ viện Hàn Lâm đến Tả Thị lang bộ Lại, tước Hải Phái hầu, được cử sang sứ phương Bắc... trong chuyến đi sứ lần này, tài thơ văn của Đoàn Nguyễn Tuấn đã làm cho các nhân sĩ Trung Quốc nể phục. Sách "Tây Sơn lược thuật" cho biết: "Đoàn Nguyễn Tuấn là người phong nhã, ưa thơ, ông là người trầm mặc, thanh cao, chân thành, giản dị, yêu quý quê hương...".

Đoàn Nguyễn Tuấn có "Hải Ông thi tập" với hơn 200 bài "Thơ ông giản dị, giàu cảm xúc, nghệ thuật hình tượng trong sáng, ít điển cố, câu thơ lại chải chuốt, thanh thoát, gợi cảm...".

Đoàn Nguyễn Thục, Đoàn Nguyễn Tuấn, hai con người đức độ và tài năng như thế thực sự là tấm gương để Nguyễn Du noi theo.

2- Cuộc sống mười năm ở làng Hải An góp phần bồi đắp tài năng của Nguyễn Du.

Khi Nguyễn Du về sống ở Hải An thì Đoàn Nguyễn Thục đã mất, những năm ở Hải An, Nguyễn Du sống cùng với người anh vợ. Đoàn Nguyễn Tuấn đã cho dựng trong vườn nhà mình một ngôi nhà sàn gọi là "Phong Nguyệt Sào" (ổ gió trăng) cùng Nguyễn Du và các danh sĩ làm thơ, ngâm vịnh, ông tự coi mình là Sào Phủ. Nguyễn Du được anh vợ coi như bạn và làng Hải An coi ông như khách, những "luật tục" với người ở rể, những "lệ làng" với những người ngụ cư không đem áp dụng với ông, Nguyễn Du được sống trong tình gia đình, tình làng nghĩa xóm đầm ấm. Tình cảm ấy, ông đã đưa vào những sáng tác nói về cảnh đẹp và tình người nơi ông "sống nhờ". Song nét đặc trưng của những năm tháng Nguyễn Du sống ở Hải An là cuộc sống cô đơn, nghèo khổ, thiếu ăn, thiếu mặc. Các nhà nghiên cứu, các nhà thơ thường gọi mười năm Nguyễn Du sống ở Thái Bình là "Thập tải phong trần" nhưng chính cuộc sống ấy đã giúp Nguyễn Du viết nên những vần thơ, những tác phẩm văn học để đời về lòng thương cảm của ông với những người cùng cảnh ngộ, những kiếp người bị đầy đọa. Chất dân gian trong thơ ông cũng bắt nguồn từ cuộc sống nông thôn đã thấm sâu vào cốt tủy nhà thơ để ông tạo nên những tác phẩm bất hủ: "Văn tế thập loại chúng sinh", "Long thành cầm giả ca", "Đoạn trường tân thanh" (Truyện Kiều). Chính những tác phẩm ấy đưa Nguyễn Du trở thành một "đại thi hào dân tộc", "một danh nhân văn hóa thế giới".

Hơn 20 năm trước, đã nhiều lần tôi về Quỳnh Nguyên tìm hiểu về những dấu tích của Nguyễn Du còn để lại. Năm 1997, được nhìn thấy một chiếc án thư. Chủ nhà cho biết đây là chiếc bàn Nguyễn Du đã từng ngồi, tôi và đồng chí Giám đốc Bảo tàng Thái Bình đã gợi ý đổi bộ bàn ghế ba đai để lấy chiếc án thư nhưng không được. Tôi cũng được ông Nguyễn Xuân Nam, nguyên cán bộ nghiên cứu lịch sử Đảng huyện Quỳnh Phụ đưa đến bên một hồ nước rộng và giới thiệu nơi đây xưa là chỗ dựng "Phong Nguyệt Sào". Tôi có gợi ý xã cho giữ lại làm nơi lưu niệm nhưng đến nay những thứ ấy không còn. Mong rằng thế hệ lãnh đạo huyện Quỳnh Phụ ngày nay dựng được khu lưu niệm Nguyễn Du để các thế hệ mai sau biết được rằng "Thái Bình, Quỳnh Phụ đã góp phần bồi đắp nhân cách và tài năng của Nguyễn Du - đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới".

PHẠM MINH ĐỨC
(Thành phố Thái Bình)

Làng quê Hải An, xã Quỳnh Nguyên (Quỳnh Phụ). *Ảnh:* **MINH HƯNG**